

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28/4/2025
V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tiến

2. Ông Nguyễn Nhựt Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân Gia đình thụ lý số 15/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1995 (Có Đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ B, khóm H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1994 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai cùng ngày 19/12/2024 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn Q kết hôn với nhau vào đầu năm 2020. Hôn nhân do quen biết, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 23 ngày 12/3/2020.

Sau khi kết hôn, bà về chung sống với gia đình cha mẹ chồng. Ông bà sống êm ấm chỉ được một thời gian ngắn, thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống, ông Q sinh ra ăn chơi, ham mê cờ bạc gây nợ nần, làm được bao nhiêu tiêu xài cá nhân, không chăm lo gia đình. Từ đó dẫn đến bất đồng trong tình cảm vợ chồng, không còn tôn trọng nhau, không tin tưởng nhau nữa, ông bà luôn bất hòa, gia đình không còn êm ấm. Từ tháng 11 năm 2022, bà và con về nhà cha mẹ bà sinh sống, ông bà ly thân nhau đến nay được 02 năm. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn Q.

- Về con chung: Có 01 con chung, tên Nguyễn Phúc Bảo L, sinh ngày 22/11/2021 hiện đang sống với bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi cháu L, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết

Bị đơn – Ông Nguyễn Văn Q: Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L1.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Có đơn xin xét xử vắng mặt

- Bị đơn: Vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

+ Việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân: Bà T được ly hôn với ông Q. Về con chung: bà T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Phúc Bảo L, sinh ngày 22/11/2021, ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu; Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà T có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Q do vậy xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Q có nơi cư trú tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn - Bà T vắng mặt tại phiên toà, tuy nhiên bà đã có Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 22/4/2025 phù hợp theo quy định nên được chấp nhận; Bị đơn – Ông Q đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về phiên đối chất, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Q vắng mặt tại phiên toà đến lần thứ hai mà không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T và ông Q.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Bà T và ông Q có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh chấp.

Quá trình chung sống giữa bà T và ông Q xảy ra mâu thuẫn không thể khắc phục, theo bà T nguyên nhân là do ông Q ăn chơi gây nợ nần, làm được bao nhiêu tiêu xài cá nhân, không chăm lo gia đình dẫn đến bất đồng trong tình cảm vợ chồng, không còn tôn trọng nhau, không tin tưởng nhau nữa, ông bà ly thân nhau đến nay được 02 năm trong thời gian ly thân cả hai không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay bà T kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông Q.

Theo Biên bản lấy lời khai ngày 19/3/2025, bà Ngô Thị Kim H là mẹ ruột bà T trình bày: Vợ chồng T và Q kết hôn năm 2020. Sau khi kết hôn vợ chồng T và Q sống chung bên gia đình bên chồng cho đến khi T sinh con thì về nhà bà sống, Q có tới lui ở nhà bà để tiện đi làm ở C cho gần chỗ làm được một thời gian thì cả hai phát sinh mâu thuẫn theo bà biết và T nói nguyên nhân là do Q đi làm ăn chơi nợ nần và không tiếp giúp tiền bạc để lo cho vợ con T không khuyên can được nên vợ chồng cự cãi, sau sự việc đó Q bỏ về nhà mẹ ruột ở V sống, vợ chồng ly thân từ năm 2022 đến nay. Người lớn có biết nhưng để các con tự quyết định, còn Q chẳng những không sửa đổi hàn gắn tình cảm vợ chồng mà có lần còn chằng đường hành hung và đánh T. Theo bà cả hai không có khả năng đoàn tụ, vì giữa vợ chồng lứt đứt mâu thuẫn, Q không sửa đổi trụ hình để lo cho vợ con mà lại có hành vi hành hung đánh đập T nên T kiên quyết ly hôn.

Từ những nội dung nêu trên, xét thấy cuộc hôn nhân hiện nay giữa bà T và ông Q lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Việc duy trì quan hệ hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, bà T được ly hôn với ông Q.

2.2 Về con chung: Giữa bà T và ông Q có 01 con chung tên Nguyễn Phúc Bảo L, sinh ngày 22/11/2021 hiện đang sống với bà T. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi cháu L, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Ông Q không có ý kiến hay yêu cầu về con chung. Do đó, để không làm xáo trộn cuộc sống của con chung hội đồng xét xử quyết định giao cháu L cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà T phải tạo điều kiện cho ông Q trong việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do bà T không có yêu cầu nên ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Về quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn Nhân và Gia đình.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà T là nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Bà T và ông Q có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với ông Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung:

Giao con chung là cháu Nguyễn Phúc Bảo L, sinh ngày 22/11/2021 cho bà Nguyễn Thị Cẩm T được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Bà T phải tạo điều kiện cho ông Q trong việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do bà T không yêu cầu nên ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn Nhân và Gia đình.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008029 ngày 16/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

4. Quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Nguyễn Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Trinh